

MẮC KẸT GIỮA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN VÀ CHỦ NGHĨA DÂN TỘC: LAI GHÉP VÀ CHẤN THƯƠNG TRONG CÔ GÁI LAI DA TRẮNG CỦA KIM LEFÈRVE

| LÊ NGUYỄN LONG

Email: nguyenlongvhpt@gmail.com
Trường ĐHKHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

| PHẠM THỊ NAM PHƯƠNG

Email: nphuong1210.ussh@gmail.com
Trường ĐHKHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

| PHẠM NGỌC HÀ

Email: Phamngocha.ussh@gmail.com
Trường ĐHKHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

STUCK BETWEEN COLONIALISM AND NATIONALISM: HYBRIDITY AND TRAUMA IN KIM LEFÈRVE'S MÉTISSE BLANCHE

TÓM TẮT



ABSTRACT

Lấy bối cảnh là xứ Đông Dương thuộc Pháp, Cô gái lai da trắng của Kim Lefèvre miêu tả những xung đột về văn hoá và chính trị giữa hai quốc gia Pháp – Việt và những nỗ lực không ngừng nghỉ của nhân vật người kể chuyện xưng “tôi” trong cuộc đấu tranh nhằm định hình căn cước và kiến tạo không gian sống cho bản thân mình trong tình thế thuộc địa thù nghịch. Trong cuộc đấu tranh đó, lai ghép và chấn thương nổi lên như một hệ quả đặc biệt của tình thế mắc kẹt giữa một bên là chủ nghĩa thực dân với bên kia là chủ nghĩa dân tộc. Sống trong tình thế đó, quá trình đấu tranh cho hạnh phúc cá nhân cũng là quá trình nhân vật chính định hình cho mình một bản ngã: bản ngã chứa đựng tính lai ghép và chấn thương. Bản ngã ấy không phải ở trạng thái bất biến mà ngược lại, luôn ở trong tư thế đang hình thành, chưa hoàn tất.

Từ khóa: Kim Lefèvre; Cô gái lai da trắng; lai ghép; chấn thương; chủ nghĩa thực dân; chủ nghĩa dân tộc

Set in the context of French Indochina, Kim Lefèvre's *Métisse blanche* describes political and cultural conflict between France and Vietnam as well as the narrator's continuous attempts in fighting for her own identity and a space to live in the hostile colonial situation. In that struggle, hybridity and trauma emerge as a result of a situation in which the protagonist gets stuck between colonialism and nationalism. Living in that situation, the narrator's struggle for her own happiness is her own struggle for her own self: a self of both hybridity and trauma. That self is not stable; rather, it is always in the status of becoming and incompleteness.

Keywords: *Kim Lefèvre; Métisse blanche; hybridity; trauma; colonialism; nationalism*

Kể từ khi sinh ra và lớn lên, cuộc đời của Kim Lefèvre, tác giả cuốn tiểu thuyết Cô gái lai da trắng gắn liền với chiến tranh, di cư nội địa, phi thực dân hóa và cuộc lưu vong ở xứ thuộc địa An Nam trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Bà là kết quả của cuộc hôn phối chốc lát giữa người đàn ông Pháp và người phụ nữ Việt Nam. Mặc dù, cuốn tiểu thuyết Cô gái lai da trắng xét về mặt hình thức thể loại là một tác phẩm hư cấu nhưng không khó để nhận thấy sự đồng dạng giữa nhà văn với nhân vật của mình. Căn cước lai của bản thân tác giả và nhân vật chính đã đẩy họ vào tình thế lưỡng biên (in-between). Đồng thời, trong tình thế thuộc địa luôn phải chịu sự giám sát đến từ cả hai phía thuộc địa lẫn thực dân thì chấn thương được coi là một hệ quả tất yếu. Trong bài viết này, trước hết chúng tôi sẽ tập trung vào việc phân tích, giải thích các thuật ngữ: lai ghép, chấn thương trong khung lý thuyết của các lý thuyết gia như Edward Said, Homi K. Bhabha và Cathy Caruth. Phần tiếp theo sẽ xoay quanh việc vận dụng khung lý thuyết này để thấy được lai ghép và chấn thương như hệ quả tất yếu của sự mắc kẹt giữa chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thực dân. Kết luận bài viết, chúng tôi sẽ cho thấy những vấn đề được đưa ra trong tác phẩm tạo nên đặc trưng cho nền văn học Francophone mà Cô gái lai da trắng là một tiếng nói tiêu biểu.

Xuất phát điểm từ ngành sinh học, lai ghép đã được ngành văn học vay mượn và trở thành thuật ngữ nghiên cứu lý thuyết hậu thực dân. Thuật ngữ lai ghép gắn liền với một số tác giả trụ cột như Edward Wadie Said, Homi K. Bhabha, Frantz Fanon, ... Trong cuốn Đông phương luận, bên cạnh việc xem đông phương học là phương tiện cho nhà cầm quyền châu Âu chiếm đoạt đất đai, thống trị Đông Phương về mọi mặt; giúp người châu Âu định nghĩa về chính họ và những hình ảnh sai lầm về Đông Phương mà cụ thể là Hồi Giáo và Ả Rập thì Said đã vạch ra một cái nhìn về lịch sử, trong đó quyền lực văn hóa mà ông gọi là thực quyền lực để định hình những kẻ khác được gắn với quyền lực để chinh phục. Lai ghép xuất hiện trong tác phẩm này cũng được ông nhấn mạnh vào nền văn chương, văn hóa thuộc địa bởi trong quá trình khai hóa về bọn “người man di”, chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa dân tộc luôn tác động và ảnh hưởng lẫn nhau chứ không bao giờ mang tính toàn vẹn và xảy ra như một điều tất yếu. Nó luôn thâm nhập lẫn nhau thông qua cách thức mà thuộc địa lần kẻ thực dân thực hiện hành động khai hóa và tác động ngược trở lại. Sự ảnh hưởng qua lại giữa thực dân và thuộc địa có tính hai mặt. Một mặt bản xứ thuộc địa bị ảnh hưởng bởi văn hóa, ngôn ngữ, tập quán của chủ nghĩa thực dân. Mặt khác, sự tác động ngược trở lại của thuộc địa đối với quyền lực thực dân là điều không thể tránh khỏi. “Bá quyền phương Tây và chủ nghĩa dân tộc của Thế giới thứ ba dung dưỡng lẫn nhau, nhưng ngay cả ở dạng tột độ nhất cũng đều không phải

là một cái gì nguyên khối đồng nhất [monolithic] hoặc mang tính tất định. Bên cạnh đó, văn hóa cũng không phải là mang tính toàn khối đồng nhất, cũng chẳng bao giờ hoàn toàn là tài sản độc quyền của Đông hoặc Tây và cũng chẳng bao giờ chỉ là những nhóm nhỏ gồm toàn đàn ông hoặc đàn bà.”.

Rõ ràng những kẻ phương Tây khi xâm lược thuộc địa bao giờ cũng mang trong mình những lựa chọn đầy toan tính chứ không đơn thuần là một sự lựa chọn ngẫu nhiên. Quyền lực thực dân luôn giữ cho mình những nguyên tắc riêng xuyên suốt quá trình khai hóa và đặt mình ở vị trí trung tâm, bất biến. Điều này tạo nên sự đa văn hóa trong tiếp xúc giữa thực dân và thuộc địa. Văn hóa của thực dân không ở thể độc tôn mà đã được tiếp nhận, khúc xạ bởi dân tộc thuộc địa và ngược lại. Vì thế, một nền văn hóa thứ ba được hình thành, là sự hòa trộn nhuần nhuyễn giữa văn hóa của hai phe, gọi là văn hóa lai tạp. Tính lai ghép đã phá bỏ những quan niệm xưa cũ về yếu tính luận luôn khắt khe với những cặp nhị nguyên cứng nhắc. Tri thức mà chúng ta tưởng nó khách quan, tuyệt đối đúng với hệ hình cấu trúc thực ra chỉ là ảo tưởng, trong mối quan hệ với quyền lực và bị chi phối bởi quyền lực. Theo hệ hình hậu cấu trúc không có gì là thuần nhất mà đều có sự lai tạp. Khi thuật ngữ lai ghép xuất hiện, nó đã từng bị đàn áp bởi quan điểm, hệ hình bản chất luận vốn luôn cho rằng mọi thứ đều tồn tại một cách vĩnh viễn không bao giờ thay đổi. Đặc biệt là thuật ngữ “lai ghép” trong quan niệm của Said đã phơi mở những góc khuất ẩn sâu trong mối quan hệ quyền lực giữa mẫu quốc và thuộc địa, sự xâm lăng văn hóa của chủ nghĩa đế quốc và cách mà ông quan tâm đến sự khác biệt địa vị văn hóa giữa các nền văn hóa khác nhau.

Dựa trên khung lý thuyết của Edward Said, Homi K. Bhabha đã phát triển và đi sâu vào tìm hiểu quyền lực thực dân thông qua thuật ngữ (lai ghép) này. Bằng cách vận dụng lý thuyết diễn ngôn của Foucault, thuật ngữ “lai ghép” được ông giải thích và phân tích với ý nghĩa là “một tiến trình mà qua đó, nhà cầm quyền thực dân âm mưu phiên dịch bản sắc của những kẻ bị trị như một “cái khác” trong cái khung lý thuyết mà họ cho là có giá trị phổ quát nhưng cuối cùng âm mưu ấy đã thất bại, thay vào đó, một cái gì vừa quen thuộc vừa mới lạ ra đời như một thứ thay đổi tự sự (counter – narrative) của những điển phạm ở phương Tây.” Quyền lực thực dân luôn ở vị trí trung tâm và tồn tại ở bất cứ đâu mà nó hướng đến. Tuy nhiên, để phù hợp với quá trình xâm lược nước thuộc địa, buộc quyền lực thực dân phải chấp nhận biến đổi để thích nghi cho phù hợp với đối tượng mà quyền lực thực dân đang hướng đến. Chính điều này, đã cho ta thấy sự xung đột trong lòng cấu trúc thực dân khi một mặt nó vừa muốn chuyển quyền lực thực dân từ biểu tượng phổ quát (symbol) sang kí hiệu (sign) để tiếp cận vào

EDUCATION

bối cảnh xứ bản địa. Quyền lực thực dân phải dựa vào sự dịch nhưng mặt khác lại muốn xóa bỏ hoạt động này. Dịch không chỉ đơn thuần là dịch ngôn ngữ mà nó còn là câu chuyện về việc các nhà cầm quyền thực dân dịch văn hóa của các nước thuộc địa. Nói cách khác, quyền lực thực dân chiếm lĩnh thuộc địa qua việc dịch nhưng vẫn muốn làm lu mờ nó để bảo toàn tính nguyên vẹn về quyền lực của mình vô tình đã tạo ra cơ chế lai ghép. Đối với Homi K. Bhabha, “sự tự đau, phân ly” trong lòng thực dân là cơ hội để cho xứ thuộc địa có thể phản kháng lại nó. Ở đây lý thuyết lai ghép đã thể hiện tính nước đôi và lưỡng trị của mình.

Về lý thuyết chấn thương, thuật ngữ này xuất hiện lần đầu bởi bác sĩ người Anh John Erricson vào năm 1860 khi ông nhìn nhận hội chứng chấn thương xuất hiện ở các nạn nhân bị tai nạn tàu hỏa và chấn động này cho cú sốc hay chấn động về cuộc sống. Sau này, Sigmund Freud đã phát triển và gắn nó với khía cạnh tâm lý để miêu tả thương tích tâm trí xảy ra do những cú sốc về tâm trạng một cách đột ngột, bất thành linh. Lý thuyết chấn thương ra đời gắn liền với những chấn động kinh hoàng của thế giới trong thế kỷ XX. Tiêu biểu là thảm họa khủng bố diệt chủng người Do Thái của phát xít Đức (Holocaust) và tấn thảm kịch lớn nhất của nhân loại vào thế kỷ XX là trận bom nguyên tử ném xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản trong chiến tranh Thế giới thứ hai. Hội chứng rối loạn stress hậu chấn thương được nhìn nhận lần đầu tiên một cách chính thức bởi Hiệp hội tâm lý (Tâm thần học) Hoa Kỳ năm 1980. Kế thừa lý thuyết phân tâm học của Freud trong nghiên cứu về tình trạng tổn thương tâm lý ở con người, một số nhà nghiên cứu tiêu biểu về văn học chấn thương lần lượt xuất hiện cần phải kể đến là Cathy Caruth với cuốn sách *Unclaimed Experience: Trauma and The Possibility of History* (Những trải nghiệm không được khẳng định: chấn thương và những sự thực lịch sử) xuất bản năm 1996. Chấn thương theo quan điểm của Cathy Caruth chính là “các sự kiện không được đồng nhất hóa hay trải nghiệm nó một cách đầy đủ, mà về sau, nó chỉ được lặp đi lặp lại qua người trải nghiệm nó là cái tạo ra bởi một biến cố nào đó, nó lặn vào trong và không thể diễn tả ra thành lời ở bên ngoài.” Tức là biến cố đó có thể mang tính bạo lực, nhưng cái gọi là chấn thương thì không chỉ và không phải là cái đau vật chất theo cách chúng ta hiểu thông thường, mà phải là cái đau lặn vào bên trong, là sự chấn thương ở cấp độ tinh thần, là sự đối diện của chủ thể với quá khứ, cái quá khứ của biến cố mà chủ thể gặp phải. Ngoài ra, việc chủ thể không có trải nghiệm trọn vẹn với nỗi đau hay những mảng kí ức đứt đoạn liên quan trực tiếp trong các bài tiểu luận bà phân tích khi nói về công trình *Moses and Motheism* của Freud, tức là trường hợp mà người ta trải qua một chấn thương trong quá khứ nhưng dạng như từ cửa từ trở về. Chủ thể có thể không nhớ chính xác cái mình

đã trải qua và nó mâu thuẫn rành rành với những nhân chứng khả tin chúng kiến tận mắt tai nạn đó, nhưng cho dù không nhớ chính xác cái mình đã trải qua, tức là cái kí ức bị đứt đoạn hay không trọn vẹn thì nhận thức của chủ thể luôn bị định hướng bởi cái hiệu ứng xảy đến sau sự cố đó.

Dựa trên khung lý thuyết của Edward Said, Homi K. Bhabha và Cathy Caruth, chúng tôi tập trung giải quyết các vấn đề lai ghép, chấn thương tồn tại xuyên suốt tác phẩm. Bên cạnh tính chất nước đôi cũng như các cặp xung đột tạo nên đặc trưng cho tính lai ghép được thể hiện trong tiểu thuyết, chúng tôi cho rằng lai ghép như hệ quả đặc biệt của xung đột giữa một bên là chủ nghĩa thực dân với bên kia là chủ nghĩa dân tộc, mà ở đó, trước hết nhân vật chính phải chịu tình cảnh bị ngoại biên hóa bởi căn cước lai. Tác phẩm gần giống như cuốn tự truyện thuật lại cuộc đời của tác giả Kim Lefèvre. Nhân vật “tôi”¹ là kết quả của cuộc hôn phối chốc lát giữa người phụ nữ Bắc Kỳ và người lính Pháp, kẻ đã bỏ rơi hai mẹ con cô ở xứ thuộc địa để trở về chính quốc. Đặt trong bối cảnh lịch sử với nhiều biến động, đặc biệt khi Pháp và Việt Minh đang ở giai đoạn chiến đấu căng thẳng thì nguồn gốc của cô như một dấu ấn khét tiếng về sự xúc phạm và cộng tác với quân xâm lược. Căn cước lai của Kim đã thách thức lại quan điểm về sự thuần khiết chủng tộc tồn tại qua nhiều thế kỉ khi vị trí của những người phương Tây luôn được đề cao hơn so với những chủng tộc còn lại trên thế giới. Dựa vào cơ cấu xã hội và cách phân chia theo phạm vi, cô gái lai da trắng bị ngoại biên hóa bởi người dân thuộc địa lẫn chủ nghĩa thực dân.

Theo lý thuyết hậu thuộc địa nói chung và Homi Bhabha nói riêng chỉ tập trung vào cái gọi là quyền lực thực dân mà theo chúng tôi ông chưa đề cập sâu đến khả năng phản kháng của xứ thuộc địa. Chúng tôi nhận thấy tác phẩm thể hiện được cách thức chống trả của dân tộc thuộc địa với quyền lực thực dân thông qua nhân vật cô gái lai da trắng. Trong lòng dân tộc thuộc địa tồn tại hai cấp độ phản kháng, nói cách khác, nhân vật tôi bị cả gia đình lẫn cộng đồng trục xuất ra khỏi dòng chính bởi căn cước lai. Trong tác phẩm này, sức phản kháng của dân tộc thuộc địa và quá trình ngoại biên hóa như một dạng quyền lực ngầm cần được soi chiếu và nhìn xuyên qua cử chỉ, qua lời ăn tiếng nói, sinh hoạt hàng ngày. Trước hết nhân vật chính bị bao trùm trong diễn ngôn của dân tộc thuộc địa đến từ mọi tầng lớp trong xã hội bao gồm: trẻ con, nhóm cộng đồng đi theo cách mạng và gia đình. Suốt thời ấu thơ, Kim phải chịu những lời lẽ cay nghiệt như “con đĩ”, “quân cướp chồng”, “con đĩ quyền rũ thầy giáo” cùng mối hoài nghi “biết đâu mà mày chẳng phản lại chúng tao?” mà lũ trẻ thi nhau gán ghép để gạt Kim ra khỏi thế giới của mình. Thái độ của người lớn cũng không khác gì so với lũ trẻ,

thậm chí còn được khuếch đại lên gấp nhiều lần về mức độ và hành vi, đặc biệt là nhóm cộng đồng đi theo cách mạng trên khắp mọi nơi mà cô từng đặt chân đến. Khi còn ở Tuyên Quang, Kim được bà và cậu Trí cho đi học. Cô giáo ban đầu rất chăm chú đến Kim nhưng chẳng được bao lâu nảy sinh ngờ vực, tìm mọi cách để quở phạt, từ chỗ ác cảm lại càng khinh ghét. Điều này đã khiến nhân vật “tôi” suy nghĩ “như thể con người nặng lòng yêu nước ấy nghĩ cứ ra sức hành hạ tôi thì có lẽ cô cứu được đất nước thoát khỏi nọc độc thực dân.”. Cô giáo nhìn về Kim như nhìn về một kẻ khác biệt cần phải trục xuất. Điều chi phối hành động của cô lúc này chính là hệ tư tưởng của chủ nghĩa dân tộc đang trỗi dậy mạnh mẽ. Bên cạnh đó, người thể hiện rõ nhất tinh thần giác ngộ cách mạng là cậu Trí khi cậu cho rằng: “đã là loài lai giống thì sẽ chỉ là thứ cây chột không bao giờ ra quả”, “chớ nuôi ong tay áo, cái thứ máu Tây của nó sẽ lấy oán trả ơn”. Cậu ra sức khuyên mẹ phải tống khứ đứa con nghiệt chủng ấy bằng cách đưa Kim vào trẻ mồ côi bởi “người Pháp phải gánh chịu lấy những hạt giống xấu họ gieo vãi trên khắp nước này. Rồi đây nước Việt Nam độc lập, ai cần đến những đứa con hoang ấy làm gì.” Họ lập đi lập lại và nhấn mạnh vào “cái thứ máu Tây” với một thái độ thù nghịch, lên án. Mặc dù có chung máu mủ, ruột rà nhưng cô vẫn bị chính những người mà mình coi là họ hàng xua đuổi, xa lánh.

Càng thu hẹp về phạm vi thì mức độ ngoại biên càng được mở rộng về tính chất trong các mối quan hệ gia đình. Vì phải chịu sự gièm pha của thiên hạ, người đàn bà ăn nằm với tên lính Pháp ấy đã đang tâm đẩy con mình vào trại trẻ mồ côi cho người khác chăm sóc. Sau này, bà đón Kim quay trở về sống cùng mình và người chồng kẻ nhưng dưới con mắt khinh thường của ông ta, bà phải tạo cho bản thân một bộ mặt lạnh nhạt, thậm chí đối xử với Kim như người dung để lấy lòng chồng. Cha dượng tuy không thường xuyên mắng chửi nhưng ông lại tỏ ra phớt lờ trước sự hiện diện của cô trên đời bằng cách “coi thường mẹ tôi và miệt thị tôi theo cách độc ác nhất: chối bỏ hoàn toàn. [...] Không bao giờ ông thêm gọi đến tôi, không nói với tôi một lời, thậm chí không thêm nhìn tôi. Khi nào bắt chợt tôi xuất hiện ngay trước mặt ông, ánh mắt ông xuyên qua tôi như một màn khói.” Một người đàn ông gốc Hoa, không thuộc về Pháp cũng chẳng hề hưởng ứng Việt Minh, thế nhưng thái độ của ông ta đối với Kim vẫn hết sức thù nghịch, căm ghét.

Trái ngược với cuộc sống bản hèn, tù đọng của Kim, những đứa con lai chọn đi theo mẫu quốc như cậu Yves, dì Odile, Suzanne, Germaine, Sophie lại có cuộc đời dư giả, sự kính trọng và sợ sệt từ người khác. Cậu Yves được bà cô nuông chiều như một “ông thánh sống”, “làm vương làm tướng” trong nhà. Tác giả mô tả cậu ta với hình thù béo bệu cùng nước da hồng hào nhưng nhẽo nhột. “Trong cái xã hội Á Đông

chúng tôi, anh ta đại diện cho “bọn mũi lõ”, cách gọi dân dã để chỉ người Pháp thời bấy giờ. Cứ thấy anh ta lộ mặt là chúng tôi đều phải cụp mắt xuống. Ra dáng cậu chủ, anh ta ngồi ăn trên bàn, còn chúng tôi thì ngồi trên manh chiếu trải dưới đất. Thỉnh thoảng anh ta quẳng xuống chiếu mấy miếng ăn thừa. [...] Anh ta rất tai quái, xét nét từng li từng tí, chỉ rình xem tôi có gì sai sót là vin vào cớ đó mà bắt phạt.” Hay bốn con gái của bà Tư đã cho nhân vật tôi thấy một thế giới quá mức mong đợi với “những cuộc tia tốt tí mãn hàng giờ để trang điểm mặt mày, sơn giũa móng tay móng chân” Kim phải học cách từ bỏ những thói quen dân già để tiệm cận với lối sinh hoạt mang tính cầu kỳ của những bữa ăn phương Tây. Trong con mắt của cậu Yves hay những bà di thì Kim mãi chỉ là “người hầu kẻ hạ” rẻ mặt mặc dù xét về nhân chủng học thì xuất phát điểm của họ là như nhau vì đều là kết quả của việc hòa huyết giữa hai dòng máu. Tuy nhiên, bản thân nó đã có sự phân bậc và áp đặt đẳng cấp trong cùng một nhóm người. Con lai đi theo Pháp ở bên trên còn nhân vật “tôi” thuộc hàng hạ đẳng, bị “quang xuống chiếu mấy miếng ăn thừa” như cách người ta vẫn thường đối xử với loài chó nuôi trong nhà.

Cấp độ thứ hai của quyền lực thực dân trong quá trình ngoại biên hóa được biểu hiện chủ yếu thông qua hai nhân vật là bà xơ Corneveau và bà N., cả hai đều là người Pháp. Trong trại trẻ mồ côi, Kim đã bị Corneveau hành hạ, thù ghét, chửi rủa với cách xưng hô đầy thô bạo “quân đạo đức giả như bản!”. Sự vô trách nhiệm và vô thừa nhận của chủ nghĩa thực dân cũng được thể hiện qua hành động “đem con bỏ chợ” của các bà xơ khi quyết định đem những đứa trẻ qua Pháp, phó mặc cho sự sống chết của chúng vào tay của những người không hề thân thích nơi xứ người. Thậm chí, các bà xơ cũng rũ bỏ hoàn toàn trách nhiệm của mình với những đứa trẻ khi lục tìm danh sách các gia đình đã gửi con đến trại để họ có thể đón những đứa trẻ về, từ đó họ chỉ phải giữ lại những đứa bé không được ai xin đến đón về. Mặc dù may mắn được mẹ đến nhận, song nhân vật chính đã phải trải qua sự chai sạn về mặt cảm xúc không hề nhỏ khi phải sống một thời gian dài trong sự thù địch, ghẻ lạnh của những bà xơ người Pháp. Tác giả dành hẳn một chương để viết về bà N., bà mẹ đỡ đầu cho cô có cơ hội đi học ở tu viện Chim non. Thực chất bà ta chỉ coi cô như phương tiện trung gian giúp bà ta dễ dàng có được nấc thang lên thiên đường, trở thành con chiên ngoan đạo của Chúa. Danh từ “mẹ đỡ đầu” gọi cho ta cảm giác gần gũi nhưng mối quan hệ giữa bà N. và Kim thực chất chỉ là cuộc trao đổi, lợi dụng lẫn nhau. Với vẻ trịch thượng của mình, “bà N. không nhìn tôi một lần nào, như để tỏ rằng cá nhân tôi sẽ không ảnh hưởng gì đến quyết định của bà. Giúp tôi hay không là việc riêng giữa bà với Chúa. Cùng lắm thì do nể xơ Ái mà bà sẽ giúp, chứ không phải do tôi có năng

EDUCATION

khieu xứng đáng được giúp.”. Bà ta chưa một lần quan tâm đến Kim, chỉ chừa ra “bộ mặt lạnh tanh như làm bằng sứ”. Hành động của bà ta mang tính chất ban ơn, cứu vớt nhưng đổi lại nhân vật phải chấp nhận sự căm lạng. Bà N. và vợ Corneveau đều đại diện cho chủ nghĩa thực dân, trang bị cho mình vẻ bề ngoài của một kẻ đi khai hóa văn minh, đem tình yêu thương của Chúa vô tư, vô vi lợi nhưng lại có cái nhìn đầy khinh miệt với dân tộc thuộc địa. Tính lương tri, phân ly đã hiện diện thông qua hành động đó.

Dân tộc thuộc địa nhìn về nhân vật “tôi” như tội đồ mang dòng máu của kẻ thù còn nhân vật “tôi” là kẻ hạ đẳng trong cái nhìn của quyền lực thực dân. Mỗi phía đều lựa chọn cho mình một phương thức để đối phó với cái gọi là lai ghép. Lai ghép được nhìn nhận từ cả phương diện sinh học, chủng tộc lẫn cách phản kháng, đấu tranh của chủ thể và cộng đồng nhằm trục xuất nó. Nó cho thấy dân tộc bị trị đang vùng lên đấu tranh dưới nhiều cấp độ và hình thức. Dân tộc thuộc địa cảm thấy đời sống cũng như nền độc lập bị đe dọa trước sự hiện hữu của đứa con lai. Họ sợ đứa con ấy sẽ theo Pháp để phản bội họ bất cứ lúc nào. Tính lai ghép đã đẩy cô vào tình thế không lối thoát, bị vây bọc, bao trùm trong diễn ngôn, từ việc bị khinh miệt, chửi rủa cho đến việc bị phớt lờ sự hiện diện, coi như không tồn tại. Kết cục, nhân vật tôi bị gạt ra bên lề, nằm trên đường lằn ranh của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thực dân, rơi vào tình thế không có giấy khai sinh, “trở thành con quái vật giữa cái xã hội hết sức dân tộc chủ nghĩa”. Tên thật được rút gọn chỉ bằng ba chữ số “238” trong suốt thời gian sống ở trại trẻ mồ côi đến nỗi “hằn sâu vào tâm khảm không sao xóa nhòa”, đã có lúc giạt mình tưởng có ai đang gọi mình bằng con số đó. Cô gái lai da trắng cô độc trên chính mảnh đất mình gắn bó yêu thương bởi bị tất cả những người xung quanh xa lánh. Căn cước lai trở thành vật ngáng trở nhưng cũng là động lực thúc đẩy để cô vươn lên tìm quyền sống cho chính mình.

Cả đời Kim cố chứng minh mình vô tội bằng cách chấp nhận mọi luật lệ của xã hội. Chính căn cước lai đã dồn nhân vật “tôi” vào tình thế bị trục xuất cho đến việc làm này sinh những ý nghĩ man nha về sự chống trả lại các thiết chế, luân lý áp đặt lên mình. Cô chứng kiến nỗi bất hạnh đến bên đời mẹ vì có một đứa con lai, cô tự trách mình và thậm chí mong “không phải do mẹ đẻ ra, mà là con của một bà nào đó, vừa đẻ ra mình bà chết liền, được thế thì mình khỏi làm hại đến ai”. Kim chán ghét cái thái độ thù nghịch mà cha dượng luôn dành cho mẹ con cô. Cùng sự nhẫn nhục cam chịu mà mẹ cô luôn thể hiện khi sống cùng người đàn ông bội bạc ấy đã làm cô nung nấu ý định “phải đập gãy cái vòng luân quần này. Phải thoát ra khỏi cái mớ bong bóng này.” Ngoại hình thay đổi sau trận bạo bệnh là sự kiện mang tính bước ngoặt làm thay đổi suy nghĩ của nhân vật trung tâm. Từ đây, quá trình

hành động dần được hình thành và bộc lộ ra ngoài thông qua lời khẳng định chắc nịch “hơn lúc nào hết, tôi thấy mình cần học vấn. Tôi cần trở lại Sài Gòn.” Nhân vật đi từ sợ hãi, chối bỏ sang căm ghét, buộc bản thân phải sống khác. Đây là giai đoạn ý nghĩa quan trọng và là cơ sở tiền đề thúc đẩy nhân vật kháng chống.

Qua quá trình quan sát và phân tích tác phẩm, chúng tôi nhận thấy rằng không chỉ có căn cước lai là cơ sở thúc đẩy nhân vật chính phản kháng lại diễn ngôn của dân tộc địa mà hành động đề đập tan các định kiến về giới cũng là một trong những nhân tố góp phần cô kiến tạo không gian sống cho mình. Tư tưởng của Việt Nam theo quan điểm Nho gia của Trung Quốc cho nên hết sức bài xích với sự phát triển của người phụ nữ. Trong thời kỳ phong kiến, đàn ông luôn ở vị trí cao hơn, nếu gia đình nào đẻ được con gái mà không có con trai thì coi như rơi vào cảnh bất hạnh vì không có người nối dõi. Trách nhiệm của một người phụ nữ trong suy nghĩ của ông dượng chỉ là “ở trong bếp”, phụ trách việc bếp núc, dọn nhà, chăm con” chứ không có chuyện “lũ con gái” được đến trường. “Ông nói “lũ con gái”, là để biểu thị sự công minh, có nghĩa là cả những đứa con riêng của ông, tức những em gái cùng mẹ khác cha của tôi, cũng chịu chung số phận. “Lũ con gái” đã bao hàm tất cả những đứa con của ông không phân biệt riêng hay chung. Việc duy nhất chúng có thể làm là ở nhà và thực hiện công việc ở vị trí của một đứa con gái. Tất cả mọi hy vọng, yêu mến của ông ta đều dồn về phía thằng con trai như mong đợi một phép màu đang chuẩn bị xảy đến khi ông ta đón đứa con trai về ở cùng. Định kiến của cha dượng đã thôi thúc Kim thoát ra khỏi cái bóng của chính mình, “tự trong đáy lòng, tôi sẽ phải học cao hơn cái người con trai vốn không phải con của mẹ.” Lời thề ấy của Kim như cột mốc đánh dấu sự thay đổi về mặt nhận thức, từ thế bị động sang chủ động chiếm lĩnh và nắm giữ vận mệnh của chính mình.

Trong tình thế thuộc địa luôn phải chịu sự giám sát đến từ cả hai phía thuộc địa lẫn thực dân thì chán thương được coi là một hệ quả tất yếu. Theo Cathy Caruth, “khi những biến cố trong cuộc đời không được chủ thể nhận thức, trải nghiệm trọn vẹn và tức thì trong quá khứ, thì thỉnh thoảng, từ trong tiềm thức, nó nổi lên, hiện về bằng những phiến đoạn, những phân mảnh qua những hình ảnh, những cơn ác mộng, những sợ hãi lặp đi lặp lại... Đó là biểu hiện của chấn thương. Nachtraglichkeit, hay là sự trải nghiệm muộn màng của chấn thương, làm cho chấn thương luôn được gia bội, trở đi trở lại, làm giằng xé tâm can chủ thể trong cuộc sống hiện tại.” – Nhân vật trung tâm của tác phẩm là người được trải nghiệm những nỗi ám ảnh, sợ hãi này. Nó trở đi trở lại và làm nhân vật bị lưu đầy trong tâm thức. Những sự

tra tấn về mặt tinh thần này đã tạo ra những ám ảnh, sang chấn về mặt tâm lý không thua kém gì sự hành hạ về mặt thể chất đối với nhân vật chính. Ở tác phẩm là chấn thương tạo sinh từ cảm giác cô đơn, lạc lõng, dẫn đến bị kịch nhân vật tự phủ nhận căn tính của chính mình. Sự phân mảnh, tan vỡ nhân cách là hệ quả của những chấn thương diễn ra trong quá khứ. Ở tác phẩm, chấn thương về mặt tâm lý đến từ nhiều cấp độ và hành vi khác nhau.

Thứ nhất, nhân vật luôn bị bao trùm trong những lời chửi rủa, miệt thị của người đời về căn cước lai và mối tình ngang trái với ông thầy dạy nhạc. Thứ hai, lời phán quyết của ông thầy bói xuyên suốt cuốn tiểu thuyết từ lúc sinh ra “sẽ là nỗi bất hạnh của đời mẹ” như chiếc định cắm sâu vào số phận bất hạnh của cô gái lai da trắng, buộc cô phải chấp nhận nhận và chung sống với nó để hết đời. Lời chỉ điểm của thầy bói kết hợp với cách mọi người nhìn nhận “con này nó sinh ra đã có máu bạc bèo”, “nó là kẻ phản nghịch” càng củng cố thêm cách người khác và bản thân nhân vật nhìn nhận về mình. Trong giao tiếp, đây được coi là sự ám thị tâm lý nhằm mục đích ngoại biên hóa và đàn áp khả năng phản kháng của đối tượng, làm cho đối tượng không ý thức được mục đích và tiếp nhận nó một cách từ từ, không chủ định. Thứ ba, sự khác biệt về mặt di truyền đã khiến nhân vật chính lớn và phông phao hơn những người bạn cùng trang lứa, quá trình dậy thì sớm đó đã khiến cô phải chịu sự giễu nhại, cười cợt từ mọi người. Điều này liên quan trực tiếp đến bị kịch chối bỏ bản thân và ước mơ trở thành người phụ nữ Pháp hay Việt Nam thực thụ. Thứ tư, nhân vật trung tâm luôn ở trong trạng thái vô định, không nơi cư trú. Đây vừa là hành trình của cá nhân, vừa là hiện thân của cộng đồng trong một thời khắc lịch sử mà tình thế thuộc địa và các cuộc chiến tranh buộc họ phải liên tục di chuyển. Điều này đối lập sâu sắc với căn cước của người Việt truyền thống mà với nó, con người gắn chặt với đất đai, làng mạc... Những biến thiên của lịch sử đã đặt cả cộng đồng Việt vào những thử thách khắc nghiệt mà ở đó căn cước văn hoá của họ có nguy cơ bị huỷ hoại. Sự huỷ hoại này vừa thể hiện trên bình diện vật chất như cảnh những ngôi làng bị bom đạn chiến tranh tàn phá, vừa thể hiện trên bình diện tinh thần khi họ liên tục bị đánh bật ra khỏi nơi trú ngụ tâm linh ngàn đời của mình. Hồn cá nhân hoà lẫn với hồn làng, và đến lượt nó, hồn làng lại hoà chung tạo nên “hồn nước”. Cặp đôi làng - nước là cặp khái niệm thường trực trong tư duy và đời sống của người Việt. Nay nơi cư trú mất đi, là mất luôn cả hồn cốt văn hóa của cha ông để lại. Sống trong tình thế thuộc địa, cô gái lai da trắng cũng không nằm ngoài vùng ảnh hưởng và bị tác động trực tiếp. Cuộc di chuyển của dân tộc thuộc địa cũng là cuộc du hành của cô. Cô bị đặt trong tình thế không bao giờ có được một “ngôi nhà” đích thực, phải bám víu ở nhờ nhà bà con xa và chấp nhận di chuyển liên

tục. Trên mỗi cuộc hành trình là nơi căn cước của Kim từng bước được thiết lập và việc tái hiện những kí ức cũng đã vô tình tạo nên căn cước cho cô. Hệ quả là Kim luôn phải đối diện với sự bấp bênh và tự chất vấn về bản thân mình: “Cuộc đời tôi như một cuộc chạy trốn về phía trước, nhưng để đi đến đâu cơ chứ?”. Cuối cùng, chấn thương về mặt tâm lý đến từ việc người đời phớt lờ sự hiện diện, coi như không tồn tại của nhân vật. Hai từ “lạnh lùng” là tính từ được sử dụng nhiều nhất mỗi lần tác giả miêu tả thái độ của mọi người dành cho cô. Đứng trước diễn ngôn của dân tộc bị trị và chủ nghĩa thực dân, cô gái lai da trắng bị mắc kẹt trong thế đối kháng đến từ hai phe. Quá trình bị ngoại biên hóa bởi căn cước lai vô tình đã để lại những chấn thương to lớn về mặt tâm lý, đi theo Kim như hình với bóng đến suốt đời.

Chấn thương về mặt tâm lý vô tình đã đẩy nhân vật trung tâm đến bị kịch tự chối bỏ thân phận cũng như căn tính của mình. Hay nói cách khác, bị kịch bị người khác chối bỏ dẫn đến bị kịch tự phủ nhận bản thân. Trước hết, nhân vật muốn rũ bỏ thân phận của một đứa con lai. Tự ti về hoàn cảnh gia đình, mặc cảm thân phận khiến Kim chìm đắm trong nỗi đau khổ, tuyệt vọng. Kim tự cảm thấy chán ghét, ghê tởm với chính bản thân mình “tôi ghét cay ghét đắng cái thứ máu ấy trong người mình. Khi còn là một đứa con gái nhỏ, tôi đã khấn Trời khấn Phật xui khiến tôi gặp phải tai nạn gì đó cho cái thứ máu ấy, thứ máu đáng nguyên rủa ấy, chảy ra hết khỏi người tôi, để tôi được là đứa con gái Việt Nam thuần chủng, hòa hợp với những người xung quanh và ngay với chính bản thân mình.” Kim luôn cảm thấy lạc lõng, xa lạ, không chỉ chịu đựng sự bất công mà còn cảm thấy như mang một nét tật nguyên nào đó. Cô luôn bám lấy giấc mơ phủ định dòng giống của mình, “một lòng một dạ muốn quên hẳn mình là con lai. Nhất là muốn làm sao cho mọi người cũng quên được điều đó.” Càng cố gắng để thoát khỏi căn cước lai thì nhân vật càng trở nên bế tắc và rơi vào trạng thái tuyệt vọng. Thậm chí, cô còn tự bị ra chuyện mình là con của hai người Việt Nam chính cống để lấp liếm thân phận của mình.

Kim luôn cảm ghét, phủ nhận cái đáng về bề ngoại mà mình đang sở hữu và ước mơ trở thành những phiên bản khác nhau trong thân phận của một người phụ nữ Pháp hay Việt chính thống. Sự tự ti luôn thường trực, định hướng nhân vật vào suy nghĩ tiêu cực “mình thật xấu xí”. Cô khao khát và mơ ước trở thành các cô gái Pháp kia vì “mình mới chỉ Pháp một nửa, mới đủ cho người ta phân biệt tôi với các cô gái Việt hoàn toàn nhưng chưa đủ để người ta thấy tôi xinh đẹp như các bức hình cực kì quyến rũ đang khinh khỉnh nhìn tôi từ những khung treo trên cao kia.” Ước mơ của nhân vật là ước mơ của một đứa con lai được trở thành một đứa trẻ ở dạng thuần nhất, hoặc là người Pháp hoặc là người Việt. Nhưng sự thật

EDUCATION

lại không như những gì nhân vật tưởng tượng về chính mình. Nó vừa chứa đựng sự tan vỡ, bàng hoàng lại vừa từng bước định hình căn cước bản thân thông qua quá trình truy tìm bản thể.

Dễ dàng nhận thấy, những sang chấn tâm lý trong tiểu thuyết của Kim Lefèvre không đến từ nỗi ám ảnh của chiến tranh, chết chóc như trong tác phẩm của một số nhà văn khác, mà là kết quả của những nỗi đau vật, những đau đớn âm thầm tích tụ trong thời gian dài, là nạn nhân của sản phẩm lai ghép. Những bất thường trong hành động, tâm lý từ những sang chấn là nguồn cơn của những bất hạnh sâu xa, những nỗi cô đơn không lối thoát và cả những khát vọng truy tìm bản thể. Đây cũng là một dạng chấn thương tinh thần mà đôi khi nhân vật không muốn thừa nhận. Chấn thương của cô là chấn thương kép: vừa bị bỏ rơi từ chối vừa bị tước đi quyền mưu cầu hạnh phúc. Việc mất đi điểm tựa tinh thần cũng là nguyên nhân sâu xa dẫn đến một chuỗi các bi kịch không báo trước.

Bằng việc vận dụng khung lý thuyết của các nhà lý thuyết gia như Edward Wadie Said, Homi K. Bhabha và Cathy Caruth, chúng tôi đã làm rõ yếu tố lai ghép, chấn thương như là một hệ quả đặc biệt giữa một bên là chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa dân tộc. Đồng thời đặc tính lai ghép này như là một trong những đặc trưng của truyền thống văn học Francophone mà Cô gái lai da trắng là một tiếng nói tiêu biểu. Căn cước lai của nhân vật cùng tình trạng luôn cảm thấy lạc khỏi không gian sống, nơi nhặt vật chính luôn khao khát thuộc về đã thách thức lại các quan điểm xưa cũ, nhị nguyên luận. Vấn đề mà chúng tôi đang tập trung đi sâu và làm rõ là một đóng góp quan trọng cho văn học Francophone nói riêng và đặc biệt là cho văn chương nói chung một điểm nhìn mới trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra những cuộc giao lưu và trao đổi văn hóa không ngừng. Đồng thời, giúp chúng ta hiểu rõ hơn bối cảnh thuộc địa vốn trước nay luôn bị hiểu sai lệch từ góc nhìn yếu tính luận. Ở đó, những giá trị tưởng chừng là thiết trị lâu nay đang bị tan vỡ và bị phá vỡ bởi quá trình giao lưu ngày càng rộng lớn giữa các cộng đồng khác nhau. Quá trình giao lưu khiến cho người ta phải thay đổi cách nhìn lâu nay về chủng tộc, qua đó tạo điều kiện giúp con người có được những cách nhìn mới về đối tượng, về căn cước chủng tộc cũng như có thêm một cái nhìn bao quát hơn về thế giới.

CHÚ THÍCH

¹Bởi vì nhân vật chính có rất nhiều lần thay đổi họ, tên vậy nên từ giờ để thuận tiện cho việc phân tích, chúng tôi sẽ gọi tên nhân vật là Kim.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cathy Caruth (1995). *Trauma: Explorations in Memory*. Baltimore and London: The Johns Hopkins University Press.
2. Homi Bhabha (1994). *The Location of Culture*. London: Routledge.
3. Kim Lefèvre (2008). *Cô gái lai da trắng*. Dương Linh, Hoàng Phong dịch. Nhà xuất bản Hội nhà văn.
4. Edward Said (2016). *Văn hóa và chủ nghĩa bá quyền*. Phạm Anh Tuấn, An Khánh dịch. Nhà xuất bản Tri thức.
5. Hoàng Phong Tuấn (2012). “Những nỗi đau thức tỉnh”. (http://khoavanhocngonngu.edu.vn/home/%20index.php?option=com_content&view=article&id=3288%253%20Anhng-ni-au-thc-tnh&catid=94%3Aly-lun-va-phe-binh-vn-hc&Itemid=135&lang=vi) Truy cập ngày 10 Tháng Hai 2022.